

SỐ 2122

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

Tây Minh tự- Sa-môn Thích Đạo Thế soạn.

QUYỂN 34

Thiên thứ 28: NHIẾP NIỆM

Thiên này có hai Phần: Thuật Ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nghĩ rằng, phạm tình khó ngăn cản, ví như vượn khỉ giữa núi rừng, thường thuận theo ngoại cảnh, tương tự cùng voi điên, ba nghiệp luôn dấy động, duyên tạo thành rõ ràng, cho nên đức Phật thiết lập giáo pháp để luôn luôn chế ngự tâm tình. Vì vậy kinh nói: “Nên làm thầy cho tâm-không để tâm làm thầy, ba nghiệp thân khẩu ý không kết giao với ác, thân giới-tâm tuệ không lay chuyển như núi cao”. Kinh lại nói: “Buộc tâm vào một chỗ không việc gì không thành”. Nhưng mà tâm tánh điên đảo mê hoặc do Ngũ Kiến làm đầu, phiền não nghi hoặc khó thấu nhiếp khiến thường làm rối loạn, ở trong tất cả mọi lúc luôn luôn cất cao mà làm cho khuất phục, đương nhiên không nhờ vào nơi tịnh lặng thì làm sao phá tan buộc ba độc phải hàng phục? Thân không rong ruổi lang thang-miệng ngậm kín không nói năng, ngủ ít thức nhiều thường ngồi cảnh tĩnh trong thọ dụng ăn uống, suy nghĩ chánh pháp biết rõ chẳng phải có-không, thân ngay ý thẳng buộc chặt niệm ngay trước mắt. Những giáo pháp như vậy, đều gọi là nhiếp niệm.

Thứ hai- PHÂN DẪN CHỨNG

Như kinh Tăng Nhất A hàm nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Nên tu hành mười pháp thì sẽ thành tựu thần thông, loại trừ mọi loạn tưởng cuối cùng đến Niết-bàn. Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm chúng, bốn là niệm Giới, năm là niệm Thí, sáu là niệm Thiên, bảy là niệm Hưu tức, tám là niệm An-ban, chín là niệm Thân phi Thường, mười là niệm Tử. Hãy cố gắng tu hành!

Niệm đến Phật-pháp và Thánh Chúng,

Niệm đến Giới-Thí và chư Thiên,

Niệm đến Hưu tức và An-ban, sau cùng niệm đến thân này chết.

Thứ nhất niệm Phật: là tinh chuyên nghĩ đến hình tướng chư Phật Như lai, công đức đầy đủ-thân Trí không giới hạn, qua lại khắp cả đều biết rõ ràng . Tu hành một pháp tự dẫn đến Niết-bàn, không rời niệm Phật thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Phật.

Thứ hai niệm Pháp: là tinh chuyên nghĩ đến pháp loại trừ các dục ái không còn có trần lao, tâm cạn khô nguồn ái vĩnh viễn không tuôn trào trở lại. Đối với dục không còn dục xa lìa các căn bệnh của phiền não ràng buộc che lấp, giống như trạng thái của các loại hương, không còn tỳ vết của ý niệm loạn tưởng, thì thành tựu thần thông tự đạt đến Niết-bàn, tư duy không xa rời thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm pháp.

Thứ ba niệm chúng: là tinh chuyên nghĩ đến Thánh chúng của Như lai, thành tựu chất trực không có tà vạy quanh co, trên dưới hoà thuận, Thánh chúng của Như lai, có bốn đôi tám lớp nên cung kính thừa sự, loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về Tăng thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Tăng.

Thứ tư niệm Giới: vốn gọi là Giới ấy là ngăn lại các điều ác. Giới có năng lực để thành tựu đạo khiến cho người hoan hỷ. Giới vốn là ngọc anh lạc trang nghiêm cho thân hiện tại được tốt đẹp. Giống như chiếc bình bát Cát Tường mọi nguyện ước sẽ được như ý, loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về Giới thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Giới.

Thứ năm niệm Thí: là tinh chuyên nghĩ đến sự bố thí, trong những sự bố thí vĩnh viễn không có tâm niệm hối tiếc, không nghĩ rằng sẽ đền đáp lại, vui sướng được lợi ích tốt lành. Nếu như người ta mắng chửi hủy nhục cùng dùng dao gậy làm tổn thương thì nên phát khởi tâm Từ không nên dấy lên sân giận. Những gì mình đã bố thí thì ý niệm bố thí không tận cùng. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa

rời ý niệm bố thí thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Thí.

Thứ sáu niệm Thiên: là tinh chuyên nghĩ đến chư Thiên thân khẩu ý thanh tịnh không tạo ra việc làm dơ bẩn, giới hạnh thành tựu thân, thân tỏa ra ánh sáng rạng ngời không có gì không chiếu rọi được. Thành tựu thân chư Thiên ấy nhờ vào quả báo của thiện nghiệp, thành tựu thân chư Thiên ấy, nhờ vào các hạnh đầy đủ. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về chư Thiên thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Thiên.

Thứ bảy niệm Hưu Túc: đó là tâm ý tưởng chấm dứt, chí hướng và tánh tình rõ ràng chân thật cũng không có gì đột ngột kết thúc. Nên chuyên nhất tâm ý vui với đời sống thanh nhàn, thường cầu tìm phương tiện đi vào thiền định tam muội, thường nghĩ đến không tham lam cảnh vật tốt đẹp thường mong ước. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về Hưu Túc thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Hưu Túc.

Thứ tám niệm An ban: gọi là tinh chuyên nghĩ đến An ban, gọi là tinh chuyên nghĩ đến An ban, nếu như lúc hơi thở dài quán xét biết mình đang thở hơi lạnh-hơi nóng. Phân biệt hơi thở ra vào, đếm biết hơi thở dài ngắn, loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về An ban thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm An ban.

Thứ chín niệm Thân: đó là tinh chuyên nghĩ đến thân thể, từ lông, tóc, móng, răng, da thịt gân xương, tim, gan, phổi, thận, lá lách, dạ dày, ruột già, ruột non, tủy não, máu mủ-cứt đái bàng quang, nước mũi, nước miếng, nước mắt, đàm giải, tất cả các vật có trong thân thể này, thì vật gì là thân? Bốn đại chủng là đất là nước gió lửa gió này, đều là tạo thành do cha mẹ, từ nơi nào mà đến-là ai đã tạo ra? Sáu căn này ở trong thân thể, vào lúc thân này kết thúc rồi sẽ sanh về nơi đâu? Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về thân thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Thân.

Thứ mười niệm tử: đó là tinh chuyên nghĩ đến cái chết, nơi này chết đi liền sanh vào nơi kia, qua lại trong các nẻo, mạng chết không ngừng, các căn hủy hoại rời rã giống như cây khô mục nát, mạng căn đoạn tuyệt dòng họ phân ly, không còn hình bóng âm thanh cũng không có tướng mạo. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về cái chết thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Tử.

Bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ rằng:

*“Niệm đến Phật-pháp và Thánh chúng,
Cho đến cuối cùng niệm cái chết,*

*Tuy cùng với trước gọi như nhau,
Mà ý nghĩa đó đều sai khác”.*

Còn trong luận Phân Biệt Công Đức nói:

“Thứ nhất niệ́m Phật, sự việc thế nào? Thân Phật là thân Kim cang không có các lậu hoặc. Nếu lúc đi lại thì bàn chân cách mặt đất bốn tấc, đường nét của tướng Thiên Phúc Luân hiện rõ ở mặt đất, các loài sâu bọ dưới bàn chân được yên ổn bảy ngày, nếu các loài ấy mạng chung thì đều được sanh lên cõi Trời. Xưa có một Tỳ-kheo ác độc, vốn là ngoại đạo, mượn y phục để phỉ báng và đi theo Như lai, tự giết sâu bươm đặt vào nơi dấu chân đức Phật, nói là đức Phật đạp chết. Nhưng sâu bươm tuy chết mà được nằm nơi dấu chân đức Phật thì lát sau được sống trở lại. Nếu khi đức Phật đi vào thành ấp chân đạp trên gạch cửa, thì Trời đất chấn động dữ dội, trăm loại âm nhạc không đánh mà tự vang tiếng, những người bị đui điếc câm ngọng và trăm loại bệnh tự nhiên không còn. Người nhìn thấy tướng tốt của đức Phật đi theo ngài liền được cứu độ. Công đức đã cứu độ không thể tính đếm được. Nói tóm lại là vận dụng chuyển tải vạn hạnh làm đầu tiên, đó gọi là niệ́m Phật. Nghĩa lý sự việc ấy như vậy.

Thứ hai niệ́m pháp, pháp là đạo vô lậu-vô vi-vô dục. Phật là vị giáo chủ của các pháp, pháp là chủ của kết sử. Pháp sinh ra chư Phật, pháp sinh ra Phật đạo. Nếu như vậy thì tại sao không niệ́m pháp trước-niệ́m Phật sau? Đáp: Pháp tuy vi diệu nhưng không có người nào có thể biết được, hãy còn như che kín mà không nơi nào không có, cần phải dựa vào người thông suốt để nêu ra nơi chốn, mới có thể tự nhiên cứu giúp nghèo khó. Pháp cũng như vậy, lý tuy huyền diệu nhưng không có Như lai thì không thông suốt, vì vậy niệ́m Phật ở trước tiên, xưng gọi pháp là sau Phật.

Thứ ba niệ́m Tăng, đó là bốn cặp tám lớp mười hai bậc Hiền sĩ, xả bỏ tham lam tranh giành của thế gian mà giảng giải khuyê_n bảo hàng Trời người, chính là phước điền giúp đỡ tốt lành cho mọi chúng sinh. Xưa có Tỳ-kheo ít phước, tên là Phạm Ma Đạt (trong Luật gọi là La Tuần dụ cho Tỳ-kheo vậy), ở trong chúng một ngàn hai trăm năm mươi người, khiến cho chúng Tăng không được ăn uống, nhưng chẳng ai biết là lỗi do người nào. Đức Phật khiến phân thành hai phần, một phần được ăn một phần không được ăn. Lại phân phần không được ăn thành hai nhóm, một nhóm được ăn, một nhóm không được ăn. Như vậy lần lượt cho đến lúc còn lại hai người, một người được ăn, một người không được ăn. Lúc ấy mới biết người vô phước tuy được thức ăn mà đến bình

bát thì tự nhiên tiêu hết không còn. Đức Phật thương xót cho Tỳ-kheo khốn khổ ấy nên tự tay trao cho thức ăn đang còn trong bình bát, được thần lực chế ngự cho nên không thể hóa mất. Đức Phật muốn làm cho thân hiện tại được phước thiện, vì vậy khiến hai Tỳ-kheo diệt tận lấy thức ăn này ăn no, lập tức được phước thiện. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc nghe vị Tỳ-kheo ít phước này được đức Phật thương xót ban cho thức ăn, nay mình cũng nên vì Tỳ-kheo ấy tạo phước thiện, liền để lại hạt gạo quý. Lúc ấy có một con quạ bay đến ngậm hạt gạo bay đi, sai người trách mắng rằng: Nhà vua vì Phạm Ma Đạt mà tạo phước thiện, tại sao người lấy đi vậy? Con quạ liền mang trả lại chỗ cũ. Vì sao như vậy? Bởi vì Tỳ-kheo nhờ phước lực của Tăng, cho nên chim thú không thể nào xâm hại được. Dùng điều này để chứng minh biết là phước điền tốt lành, đã tự độ mình và độ cho người đến Tam Thừa Đạo, pháp niệm chúng Tăng có ý nghĩa như vậy.

Thứ tư niệm Giới, bắt đầu từ năm giới-mười giới, hai trăm năm mươi giới đến năm trăm Giới đều là cấm chế thân khẩu trói chặt những tà vạy sai trái, ràng buộc chế ngự sáu tình-đoạn trừ các dục niệm trong ngoài thanh tịnh mới thích hợp với giới tánh. Xưa có hai Tỳ-kheo, cùng nhau đến nơi Phật. Đường đi qua hồ rộng nhưng mệt nhọc bởi thiếu nước uống. Lúc ấy có hồ nhỏ đầy nước, trong nước nhiều côn trùng sinh sống. Một Tỳ-kheo suy nghĩ sâu sắc về luật cấm, lấy không phạm làm đầu tiên, nếu uống nước này thì giết hại rất nhiều sinh vật, thà rằng mất mạng mà giữ trọn giới, thế là mạng chung liền sanh lên cõi Trời. Một Tỳ-kheo tự nghĩ rằng: Uống nước bảo toàn thân mạng thì có thể đến được nơi đức Phật, đâu biết sau khi chết sẽ sanh đến nơi nào? Bèn uống nước có côn trùng nên đã làm hại rất nhiều, tuy được thấy Phật nhưng cách Ngài rất xa, khóc tấu tức hướng về Phật tự thưa rằng: Bạn cùng đi đã mạng chung. Đức Phật chỉ vào một vị Trời nói rằng: Ông biết vị Trời này không? Đây chính là bạn cùng đi với ông, bởi vì công đức giữ trọn giới cho nên liền sanh lên cõi Trời; nay đến tại đây, tuy ông thấy ta mà cách Ta rất xa, Tỳ-kheo kia tuy mất mạng nhưng luôn luôn ở chỗ Ta, nay ông thấy Ta mà chính là nhìn thấy hình tướng thân xác của Ta, lẽ nào biết được giới pháp chân thật hay sao? Vì vậy kinh nói: “Ba la đề mộc xoa là đại sư của các ông, nếu có thể trì giới lần lượt thực hành, thì chính là pháp thân của Như lai thường trú bất diệt”. Nói đến giới thì có ba loại:

1: Tục giới, 2- Đạo giới, 3- Định giới. Năm giới, tám giới, mười giới, cụ túc giới đều là Tục giới, vô lậu Tứ đế là Đạo giới, Tam muội

Thiền sư là Định giới. Dùng Tuệ chế ngự giới khiến cho thành tựu vô lậu, chính là phù hợp với Đạo giới. Giới của hàng Thanh văn dụ như hoa nơi đầu gối, động chuyển thì giải tán; đại sĩ trì giới dụ như hoa cài trên đầu, đi lại cử động vẫn không biến chuyển. Tiểu thừa chọn lấy hình tướng hễ lay động là vượt quá oai nghi, Đại Sĩ dẫn dắt tâm tánh không trói buộc quĩ phạm bên ngoài. Quĩ phạm của Đại-Tiểu khác nhau, cho nên dùng hình tướng và tâm tánh làm sai biệt, trong ngoài tuy sai biệt mà cùng đến Niết-bàn, cho nên nói là niệm Giới vậy”.

Lại trong kinh Phật Bát Nê Hoàn nói: “Vả lại muốn gần đạo nên có bốn tâm hoan hỷ thích hợp để thực hành thiện niệm: 1- Niệm Phật tâm ý hoan hỷ không xa lìa, 2- Niệm pháp tâm ý hoan hỷ không xa lìa, 3- Niệm chúng tâm ý hoan hỷ không xa lìa, 4- Niệm giới tâm ý hoan hỷ không xa lìa. Nghĩ đến bốn tâm hoan hỷ này nhất định khiến cho đầy đủ, mà tự mình nhìn thấy rõ ràng, nên hướng về chánh độ, cầu mong giải thoát thân, có thể đoạn trừ đường khổ của địa ngục ngạ quỷ súc sanh, tuy di chuyển qua lại giữa cõi người và trên cõi Trời nhưng bảy lần sanh tự đạt đến bến bờ khổ đau”.

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: “Nên nghĩ đến có năm sự việc: 1- Nên nghĩ đến công đức của Phật, 2- Nên nghĩ đến kinh giới của Phật, 3- Nên nghĩ đến trí tuệ của Phật, 4- Nên nghĩ đến công đức to lớn khó báo đáp của Phật, 5- Nên nghĩ đến hạnh tinh tiến cho đến Niết-bàn của Phật. Lại có năm sự việc: 1- Nên nghĩ đến Tỳ-kheo Tăng, 2- Nên nghĩ đến ân đức của Sư, 3- Nên nghĩ đến ân đức của cha mẹ, 4- Nên nghĩ đến ân tình của bạn đồng học, 5- Nên nghĩ đến tất cả mọi người đều khiến cho giải thoát xa lìa tất cả mọi nỗi khổ đau”.

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: “Ví như cát trong biển lớn không thể nào tính đếm biết được, như người đã làm thiện-ác họa-phước, trước sau đã làm không thể nào tính biết, cần phải vào lúc mạng sống kết thúc, làm ác thì gặp nơi ác, làm thiện thì gặp nơi thiện, họa phước đều có nơi dành sẵn, cũng có trước cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc cùng chung con đường thì dừng lại. Nếu như không cùng chung con đường thì không đoạn tuyệt. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Nên nghĩ đến tự thân vô thường! Có một Tỳ-kheo liền trả lời đức Phật rằng: Con nghĩ đến chẳng phải Thường, như người ở thế gian, cao nhất có thể đến năm mươi tuổi. Đức Phật bảo rằng: đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể ba mươi tuổi. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể mười tuổi. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể 1 tuổi. Đức Phật bảo rằng: đừng

nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể một tháng. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể một ngày. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể một giờ. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể trong một hơi thở. Đức Phật bảo rằng: Đúng vậy! Đức Phật dạy rằng: Hơi thở ra không trở vào lại thì thuộc về đời sau, mạng người vút nhanh ở trong một hơi thở”.

Còn trong kinh Tỳ-ni Mầu nói: Nếu lúc thuyết pháp thì Tỳ-kheo lại cần phải luôn luôn nghĩ nhớ, quán xét thân là khổ-không-vô thường-vô ngã-bất tịnh, đừng làm cho cách tuyệt. Tại vì sao? Bởi vì sẽ đạt được 12 ý niệm thành tựu Thánh pháp. Những gì là mười hai ý niệm? Đó là: 1- Ý niệm thành tựu thân của mình, 2- Ý niệm thành tựu cho người khác, 3- Ý niệm nguyện có được thân người, 4- Ý niệm sanh vào nhà có đóng gói tôn quý; 5- Ý niệm ở trong Phật pháp được phát sinh tín tâm, 6- Ý niệm nơi được sanh ra không thêm nhiều công phu mà được giác ngộ giáo pháp, 7- Ý niệm nơi được sanh ra có đầy đủ các căn, 8- Ý niệm được gặp chư Phật Thế tôn xuất hiện ở thế gian, 9- ý niệm nơi đã sanh ra luôn luôn được thuyết giảng chánh pháp, 10- Ý niệm nguyện cầu pháp đã thuyết giảng luôn luôn được thường trú, 11- Ý niệm nguyện cầu pháp thường trú được tùy thuận tu hành, 12- ý niệm thường có được tâm thương xót các chúng sinh. Có được 12 ý niệm này đầy đủ thì chắc đạt được Thánh pháp”.

Lại trong kinh Tạp A hàm nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ có lùm cỏ giữa sông, có con rùa sống ở trong đó, lúc ấy có con Dã can đói bụng đi kiếm ăn, từ xa trông thấy con rùa nên bơi nhanh đến bắt lấy, con rùa thấy con Dã can xuất hiện thì liền rút đầu giấu chân. Con Dã can đi theo chờ đợi hy vọng con rùa thò đầu và chân ra, muốn có được để ăn thịt. Canh giữ con rùa rất lâu, nhưng con rùa vẫn không thò đầu cũng không thò chân ra, con Dã can đói thiếu nên tức giận mà bỏ đi. Nay các Tỳ-kheo! Các ông hôm nay cũng lại như vậy, biết ma Ba tuần luôn luôn rình rập các ông, hy vọng mắt các ông đắm vào sắc, tai nghe Thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân đắm xúc, ý nhớ pháp, muốn làm cho sanh ra nhiễm trước sáu cảnh. Vì vậy cho nên các Tỳ-kheo, hôm nay các ông luôn luôn phải giữ gìn con mắt trú trong luật nghi, giữ gìn nhãn căn luật nghi, thì ác ma không giành được dịp thuận tiện, tùy duyên mà xuất hiện; tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như vậy, đối với sáu căn ấy như xuất hiện như duyên theo không giành được dịp thuận tiện của mình. Giống như con mắt rùa thì

con Dã can không giành được dịp thuận tiện của nó. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

*Con rùa sợ hãi con Dã can,
Rút đầu giấu chân vào trong mai,
Tỳ-kheo khéo thâm nhiếp tâm niệm,
Giấu kín mọi ý tưởng cảm giác,
Không theo không sợ hãi ma kia,
Che kín tâm niệm chớ nói năng!*

Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Ví như bậc Sĩ phu đi lại trong ngôi nhà vắng tanh bắt được sáu loại chúng sinh, đầu tiên bắt được con chó thì nắm con chó ấy buộc vào một chỗ, tiếp đến bắt được con chim, tiếp đến bắt được con rắn độc, tiếp đến bắt được con Dã can, tiếp đến bắt được loài Thất thâu Ma la, tiếp đến bắt được con khỉ, những chúng sinh này bị bắt đều đem trói lại một chỗ. Con chó ấy ham vui muốn đi vào thôn xóm, con chim ấy luôn luôn muốn bay lượn giữa bầu Trời, con rắn ấy luôn luôn muốn chui vào hang ổ, con Dã can ấy thích hưởng về trong mồ mả, loài Thất Thâu Ma La thì luôn luôn muốn đi vào biển cả, con khỉ thì muốn đi vào núi rừng. Sáu chúng sinh này đều bị trói vào một chỗ, tất cả đều thèm khát đến nơi yên lành của mình, đều không thích cùng với kẻ lạ ở một chỗ mà còn bị trói chặt, loài nào cũng dùng sức lực của mình hưởng đến nơi mình thích mà không thể nào thoát được. Như vậy các loại cảnh giới của sáu căn, tất cả đều tự mong cầu cảnh giới mà mình thích, không thích với cảnh giới khác. Mắt thường mong cầu cái Sắc đáng yêu, Sắc không hợp ý thì sanh ra chán ghét; tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như vậy, các loại hành xứ của sáu loại căn này, mỗi một căn đều không mong cầu cảnh giới của căn khác, người có năng lực thì có thể luôn luôn tự tại tùy thuận cảm nhận cảnh giới, như bậc Sĩ phu kia trói giữ 6 loại chúng sinh, vì vậy nên chịu khó tu tập quán niệm về thân!

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Ví như có bốn con rắn hung dữ hơi độc phun ra hừng hực cùng nhốt trong một cái hòm nhỏ. Lúc ấy có bậc Sĩ phu thông minh cầu vui chán khổ-cầu sanh ngăn tử, bấy giờ có một Sĩ phu nói với Sĩ phu thông minh rằng: Nay ông lấy hòm rắn này vuốt ve tắm rửa, ân tình thân thiết nuôi giữ ăn uống, mà vào lúc thả lỏng bên trong, nếu như có bốn con rắn độc thoát ra thì ắt sinh chuyện khổ não, hoặc là có thể cắn chết ông- hoặc là khiến cho tiếp cận cái chết, ông nên phòng ngừa cẩn thận! Lúc ấy Sĩ phu thông minh sợ hãi bốn con rắn độc, và nắm kẻ thù rút dao xua đuổi nên bỏ

chạy. Người kia lại nói rằng: bên trong Sĩ phu có 6 tên giặc, đuổi theo rình rập ông, gặp dịp thuận tiện sẽ giết ông, ông nên đề phòng cẩn thận! Lúc ấy Sĩ phu thông minh sợ hãi bốn con rắn độc-năm kẻ thù rút dao và sáu tên giặc trong, vì sợ quá nên chạy nhanh vào trong một thôn xóm vắng vẻ, trông thấy ngôi nhà trống rỗng kia mục nát hư hoại rất nguy hiểm, có những đồ vật xấu xa nhưng đều bị tổn hại không có gì kiên cố. Người kia lại nói: Sĩ phu ơi đây là nơi thôn xóm vắng vẻ, sẽ có sáu tên giặc đến chắc chắn làm hại ông đó! Bấy giờ Sĩ phu thông minh sợ hãi bốn con rắn độc-năm kẻ thù rút dao-sáu tên giặc bên trong và sáu tên giặc nơi thôn xóm vắng vẻ, nên lại chạy trốn. Bỗng nhiên con đường dẫn đến đứng trước một dòng sông lớn, nước sông lại chảy xiết, nhưng thấy bờ bên này có những nổi sợ hãi, mà thấy bờ bên kia yên ổn vui sướng lại thanh tịnh không có gì đáng sợ, chỉ có điều là không có cầu thuyền có thể vượt qua đến được bờ bên kia! Bèn dấy lên tư duy rằng: Mình lấy cỏ cây buộc nhau lại làm thành chiếc bè, tay chân tìm cách vượt qua đến bờ bên kia! Dấy lên ý nghĩ này rồi, liền thu nhặt cỏ cây dựa vào bên bờ sông, buộc nhau lại làm thành chiếc bè, tận dụng tay chân tìm cách cắt dòng chảy vượt ngang qua. Như vậy Sĩ phu thông minh tránh khỏi bốn con rắn độc-năm kẻ thù rút dao-sáu tên giặc bên trong, lại được thoát khỏi bọn giặc nơi yên ổn vui sướng ở bên kia. Ta nói ví dụ này, nên hiểu ý nghĩa đó! Đây các Tỳ-kheo! Cái hòm nhỏ là dụ cho bốn Đại thô thiển của sắc thân này, bốn đại đã tạo ra từ thể chất của tinh huyết, nuôi lớn bằng thức ăn dơ bẩn, bảo vệ bằng áo quần tắm rửa, đều là pháp của sự vô thường-biến hoại không yên ổn. Rắn độc là dụ như bốn Đại, đó là bốn Đại chũng đất nước lửa gió. Đại chũng của đất nếu như tranh chấp thì có thể làm cho thân chết hoặc là tiếp cận cái chết; nước lửa gió tranh chấp cũng lại như vậy, 5 kẻ thù rút dao là ví dụ cho năm Thọ ấm, sáu tên giặc bên trong ví dụ cho sáu ái-hỷ, thôn xóm vắng vẻ là ví dụ cho sáu nhập bên trong. Quán sát đi vào nơi ánh mắt, là pháp của sự vô thường-biến hoại không chân thật; tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như vậy. Bọn giặc nơi thôn xóm vắng vẻ là ví dụ cho sáu nhập-Xứ bên ngoài ánh mắt đã bị sắc vừa ý và sắc không vừa ý làm hại, mũi ngửi hương, tai nghe thanh, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, Ý nghĩ pháp cũng lại như vậy. Vượt qua dòng chảy là ví như bốn Lưu, Dục lưu-Hữu lưu-Kiến lưu và vô minh lưu. Dòng sông ví như Ba ái, Dục ái-sắc ái và Vô sắc ái. Bờ này nhiều nổi sợ hãi là ví như có thân, bờ kia mát mẻ yên vui là ví như Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè là ví như Tám chánh đạo, tận dụng tay chân tìm cách cắt dòng chảy vượt ngang qua, là ví như tinh tiến

dững mãi đến được bờ kia. Trú xứ của Bà-la-môn là ví như bậc Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác”,

Lại trong kinh Lộc Hoạn Tử nói: “Lúc ấy có vị vua tên là Ba Lưu Ly, trong đất nước gặp hoạn nạn, thưa với đức Phật rằng: Đất nước con ở vùng biên giới nhỏ bé nhiều năm bị giặc xâm chiếm cướp bóc thóc lúa hoa màu đất đỏ, dịch bệnh phát ra khắp nơi làm cho nhân dân khốn khổ vô cùng, con luôn luôn cảm thấy lo lắng, không làm sao tu hành pháp tạng sâu rộng được, chỉ nguyện cầu rủ lòng thương xót cho con có được pháp chủ yếu! Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Nếu muốn diệt trừ phiền não chướng ngại, thì nên xâu thành một chuỗi hạt gỗ có 108 hạt, thường dùng để tùy theo chí tâm không phân tán, xưng danh Nam mô Phật Đà, Nam mô Đạt ma, Nam mô Tăng già, mới lần qua một hạt gỗ. Như vậy theo thứ tự vượt qua hết xâu chuỗi hạt gỗ, hoặc là mười, hai mươi chuỗi, hoặc là trăm-ngàn chuỗi, cho đến trăm ngàn vạn chuỗi, nếu có thể đủ hai mươi vạn lần, thì thân tâm không bị rối loạn xa lìa mọi hành vi không hợp đạo lý do người ta gây ra, khi xả thọ mạng được sanh lên cõi Trời Diêm Ma thứ ba, cớm áo tự nhiên thường thực hành yên vui. Nếu lại có thể niệm đủ một trăm vạn lần thì sẽ đoạn trừ một trăm lẽ tám kiếp nghiệp đạt được quả vị Vô thượng. Nhà vua nghe rồi hoan hỷ thưa rằng: Con sẽ vâng mạng thực hành! Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Có Tỳ-kheo Sa Tăng, tụng kinh Tam bảo Danh trải qua mười năm, được thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, theo thứ tự tu hành, nay ở thế giới Phổ Hương làm vị Bích-chi-Phật. Nhà vua nghe lời này rồi tiếp tục tu hành càng tinh tiến gấp bội”.

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: “Trong nước Ba-la-nại có Cư Sĩ, tên gọi Cúc Đề. Người này có con trai tên là Ưu Ba Cúc Đề, sau đó tuổi trưởng thành nhà nghèo xác xơ, người cha giao cho tài vật ở nơi cửa tiệm buôn bán. Có vị A-la-hán tên Gia Thế Kỳ, đi đến bên cửa tiệm, mà thuyết pháp cho người con dạy cách thâm nhiếp ý niệm, lấy những viên đá nhỏ trắng đen, dùng làm vật tính toán, niệm thiện dùng màu trắng, niệm ác dùng màu đen. Ưu Ba Cúc Đề vâng lời tiếp nhận phương pháp ấy, niệm thiện ác dấy lên thì bỏ vào một viên đá. Ban đầu đá đen lại rất nhiều mà đá trắng rất ít. Dần dần tu tập thì đen trắng đều bằng nhau. Không ngừng thâm nhiếp ý niệm, lại không còn đá đen, chỉ có đá trắng hoàn toàn, niệm thiện đã tràn đầy thì lúc ấy đạt đến Sơ quả”.

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Xưa có người không hề tín kính, người vợ lại rất tin thờ đức Phật. Người vợ bày tỏ với chồng rằng: Mạng người là vô thường nên tu tạo phước đức. Người chồng vô tâm lười biếng,

người vợ sợ rằng tương lai sẽ vào trong địa ngục, bèn tiếp tục bày tỏ với chồng là muốn treo một cái chuông nhỏ đặt ở trước cửa, lúc chàng ra vào lắc chuông phát ra tiếng, xưng niệm Nam Mô Phật. Người chồng nói: Rất hay! Như vậy qua một thế gian dài, người chồng mạng chung, ngục tối bắt lấy ném vào trong vạc nước sôi. Cái chìa ba chạm vào vạc đồng phát ra tiếng, nói đó là tiếng vang của chuông, liền xưng niệm Nam Mô Phật. Ngục quan nghe thấy, nghĩ rằng người này tin thờ đức Phật nên khiến tha cho ra ngoài, được sanh trong loài người”.

Còn trong kinh Tạp Thí Dụ nói: “Xưa có năm trăm người buôn giong thuyền đi vào biển, gặp con cá Ma Kiệt, nhô đầu há miệng muốn ăn thịt chúng sinh. Ngày hôm ấy ít gió mà thuyền đi như tên bắn, chủ buôn tên là Tát-bạc nói với mọi người rằng: Thuyền đi quá nhanh có thể hạ buồm! Như lời nói liền hạ buồm xuống, thuyền tiếp tục di chuyển băng băng không thể nào dừng lại được. Chủ buôn Tát-bạc hỏi người trên lầu cao rằng: Ông thấy những gì? Người ấy nói: Tôi trông thấy phía trên có hai mặt Trời xuất hiện, phía dưới có dãy núi màu trắng, ở giữa có núi màu đen. Chủ buôn Tát-bạc kinh hãi nói: Đây là con cá lớn, nên làm thế nào đây! Tôi và mọi người nay đang gặp phải hoàn cảnh khốn đốn, vào bụng con cá này không cách nào còn sống được, mọi người cùng thuận theo sự cố xảy ra dốc lòng cầu nguyện! Thế là mọi người đều thuận theo niềm tin của mình, dốc lòng quy mạng cầu mong thoát được tai ách này. Sự cầu nguyện càng chân thành thì con thuyền đi càng nhanh, chốc lát không dừng lại sẽ trôi vào miệng cá. Thế là chủ buôn Tát-bạc nói với mọi người rằng: Tôi có đấng thần long vĩ đại, danh hiệu là Phật, mọi người đều xả bỏ niềm tin của mình vâng theo đấng thần linh vĩ đại hết lòng để xưng niệm! Lúc ấy năm trăm người cùng phát ra âm thanh lớn xưng niệm Nam mô Phật. Con cá nghe danh hiệu Phật tự nhiên tư duy rằng: Hôm nay ở thế gian lại nghe có Phật, mình làm sao đành lòng làm thương tổn đến chúng sinh. Lập tức ngậm miệng nên dòng nước chảy ngược lại, chuyển con thuyền cách xa miệng cá, năm trăm người buôn lập tức phát sinh tâm thiện, đều được giải thoát”.

Lại trong kinh Đại tập nói: “Ví như Sa-môn tự nhiên có đầu tóc mọc ra nhưng không thể tự mình biết được là dài mấy phân. Như vậy tội lỗi của Bồ-tát phát sinh mà không thể nào tự biết, nói là mình không tội lỗi gì”.

Còn trong kinh Tạp A hàm nói: “Bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ rằng:

Cố gắng giữ gìn thân khẩu ý,

*Và đối với tất cả các nghiệp,
Tàm quý mà tự mình phòng ngừa,
Thì gọi là khéo léo bảo vệ.*

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Có hai pháp thanh tịnh có năng lực bảo vệ thế gian. Thế nào là hai pháp? Đó gọi là tàm và quý. Giả sử thế gian không có hai pháp thanh tịnh này, thì thế gian cũng không biết là có cha mẹ-anh em trai-chị em gái-vợ con, không có trật tự của họ hàng thân thích-thầy trò bạn bè, điên đảo hỗn loạn như loài súc sanh. Liền thuyết kệ rằng:

*Thế gian nếu như không còn có,
Hai pháp thanh tịnh là tàm quý,
Thì càng xa cách đạo thanh tịnh,
Hướng về với sanh lão bệnh tử.
Thế gian nếu như được thành tựu,
Hai pháp thanh tịnh tàm-quý ấy,
Thì đạo thanh tịnh được Tăng trưởng,
Vĩnh viễn khép lại cửa sanh tử”.*

Lại trong kinh Duy Vô Tam Muội nói: “Đức Phật bảo với A nan; Nay người thiện nam! Người cầu đạo an thiên trước tiên nên đoạn trừ ý niệm; con người sống ở thế gian sở dĩ không đạt được tạo, bởi vì chỉ ngồi suy nghĩ tưởng nhớ đến nhiều ý niệm không đáng, một niệm đến một niệm đi, một ngày một đêm có tám ức bốn ngàn vạn niệm, niệm niệm không ngừng dấy khởi. Một niệm thiện dấy khởi cũng có được quả báo báo thiện, một niệm ác phát sinh cũng gặt lấy quả báo ác. Như tiếng vang ứng với âm thanh, như bóng đi theo hình, vì vậy cho nên thiện ác tội phước đều khác nhau. Tụng rằng:

*Lặng yên suy nghĩ quên buồn lo,
Còn buồn lo chẳng phải là lý,
Cảnh xuất hiện đưa vào hư không,
Hư không nào đáng để nuôi tiếc?
Đưa vào ấm đạo trong sâu xa,
Sâu xa mất dấu tích không còn,
Bốn quả đều vui mừng cầu đạt,
Riêng Nhất Thừa phai mờ khó hiểu”.*

Thiên thứ 29: PHÁT NGUYỆN

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến Phật quả thì xa vời vô song nhưng có tầng bậc bước lên, mây pháp (Pháp vân địa) cao lớn vô cùng mà có thứ tự đạt đến. Vì vậy bắt đầu gợi mở lòng thành bao la, thì phước sâu xa tạo ra Quả vị cao nhất; đầu tiên thành lập lời thề rộng lớn, thì nguyện tuyệt vời che phủ thời gian vị lai. Một ý niệm phát khởi thực hành, lập tức cảm đóa hoa tốt đẹp của vô lượng đời kiếp; một khoảng khắc cung kính khom mình, đã có được hạt sương ngọt ngào của Đại Thiên thế giới. Đây chính là nền móng của Đại thừa, lộ trình của Chứng Trí.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh A-di-đà nói: “Đức Phật nói với A nan; Lúc đức Phật A-di-đà là Bồ-tát, thường phụng hành hai mươi bốn lời nguyện này, hết sức trân trọng và yêu quý-giữ gìn luôn kính cẩn thuận theo. Như thế nào là hai mươi bốn nguyện?”

Nguyện thứ nhất: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho trong nước tôi không có chủng loại địa ngục ngạ quỷ súc sanh cho đến loài bò bay máy cựa. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ hai: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho trong nước tôi không có phụ nữ, người nữ sắp sanh đến trong nước tôi lập tức chuyển làm thân nam, vô ương số chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa, sanh đến nước tôi, đều hóa sanh trong hoa sen ở hồ nước bằng bảy báu, trưởng thành đều làm Bồ-tát-A-la-hán, cũng vô ương số. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ ba: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho nước tôi đất đai tự nhiên toàn bảy báu, dọc ngang rất rộng lớn, thoáng đảng vô cùng tận, mềm mại đẹp đẽ tự nhiên, nhà cửa cư trú-y phục ăn uống cũng đều tự nhiên, giống như nơi cư trú của Thiên vương cõi Trời thứ sáu. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ tư: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho tên gọi của tôi khắp vô ương số cõi Phật trong mười phương đều nghe đến, đều khiến cho tất cả chư Phật ở giữa Tỳ-kheo Tăng trên pháp tòa cao lớn, thuyết

về quốc độ tốt lành và công đức của tôi; chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa, nghe đến tên gọi của tôi không loài nào không phát Từ tâm vui mừng hơn hở, đều khiến cho sanh đến nước tôi. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ năm: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho vô ương số chư Thiên nhân dân khắp mười phương, cho đến loài bò bay máy cựa, nếu đời trước làm điều ác nghe đến tên gọi của tôi, muốn sanh đến nước tôi, lập tức trở về với chính nghĩa tự mình hối hận về sai lầm của mình, vì đạo làm điều thiện luôn luôn giữ gìn kinh giới, nguyện mong sanh đến nước tôi không đoạn tuyệt, thọ mạng chấm dứt đều làm cho không trở lại địa ngục ngạ quỷ súc sanh, lập tức sanh đến nước tôi bởi tâm đã nguyện Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ sáu: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân trong vô ương số cõi Phật khắp mười phương, nếu người thiện nam-người thiện nữ nào, muốn sanh đến nước tôi, vì tôi cho đến làm nhiều điều thiện, như bố thí cúng dường thắp hương nhiều tháp, rải hoa thắp đèn treo phan kết lọng rực rỡ, xây tháp làm chùa cúng dường Sa-môn, đoạn trừ ái dục trai giới thanh tịnh, nhất tâm niệm danh hiệu tôi, một ngày một đêm không hề đoạn tuyệt, đều khiến cho sanh đến nước tôi làm Bồ-tát. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ bảy: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân trong vô ương số cõi Phật khắp mười phương, nếu người thiện nam-người thiện nữ nào, có làm Bồ-tát đạo phụng hành sáu Ba-la-mật, hoặc làm Sa-môn không hủy hoại kinh-giới, đoạn trừ ái dục trai giới thanh tịnh, nhất tâm niệm danh hiệu tôi, muốn sanh đến nước tôi ngày đêm không hề đoạn tuyệt, nếu lúc người ấy thọ mạng sắp chấm dứt, tôi liền cùng với các Bồ-tát-A-la-hán, cùng bay đi đón tiếp, lập tức sanh đến nước tôi, sẽ làm vị Bồ-tát A Duy Việt Trí có trí tuệ dũng mãnh. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ tám: Giả sử lúc tôi thành Phật, khiến cho các Bồ-tát trong nước tôi muốn sanh đến cõi Phật ở phương khác, đều khiến cho không trải qua địa ngục ngạ quỷ súc sanh, đều khiến cho thành tựu Phật đạo. Đạt được nguyện này mới làm Phật, La-hầu-la đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ chín: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi có diện mạo đều đoan chánh trong sáng đẹp đẽ tuyệt vời, tất cả cùng một sắc chất-cùng một chủng loại, giống như người cõi Trời thứ sáu. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều cùng một tâm niệm đã nghĩ đến-muốn nói ra thì luôn biết trước ý nhau. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười một: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều không còn tâm niệm phóng túng, hoàn toàn không có ý nghĩ đến phụ nữ, hoàn toàn không có sân hận ngu si. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười hai: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều khiến tâm kính mến lẫn nhau, hoàn toàn không có tâm niệm ganh ghét lẫn nhau. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười ba: Giả sử lúc làm Phật, khiến cho các Bồ-tát trong nước tôi muốn cùng nhau cúng dường vô ương số chư Phật khắp mười phương, đều tự nhiên hiện ở trước mặt lấy mang đi cúng dường chư Phật khắp nơi thấy đều đầy đủ, sau đó lúc mặt Trời chưa xuất hiện, liền bay về lại trong nước tôi. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười bốn: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đến lúc ăn uống thì đều tự nhiên, trong bình bát bằng bảy báu có đầy đủ các món ăn tự nhiên ở trước mặt, dùng xong tự nhiên biến hóa sạch sẽ. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười lăm: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát trong nước tôi, thân thể đều có màu sắc vàng tía sáng ngời, ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp đều khiến cho giống như đức Phật. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười sáu: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, cất tiếng nói giống như âm thanh của ba trăm tiếng chuông, thuyết kinh-hành đạo đều như đức Phật. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm

Phật.

Nguyện thứ mười bảy: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho tôi nhìn thấy thấu suốt, nghe đến tận cùng-bay đi tự tại, thù thắng gấp mười lần so với chư Phật. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười tám: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho tôi có trí tuệ thuyết kinh-hành đạo gấp mười lần so với chư Phật đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ mười chín: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa trong vô ương số cõi Phật khắp mười phương, đều khiến cho được đi vào đạo, đều làm Bích-chi-Phật, A-la-hán, đều nhất tâm tọa thiền, cùng nhau muốn tính đếm biết tuổi thọ của tôi là mấy ngàn ức vạn kiếp số năm, đều khiến cho không có ai có năng lực biết được tận cùng tuổi thọ ấy. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa trong tất cả ngàn ức cõi Phật khắp mười phương, đều khiến cho trở thành Bích-chi-Phật-A-la-hán, đều nhất tâm tọa thiền, cùng nhau muốn tính đếm số lượng các vị Bồ-tát, A-la-hán trong nước tôi để biết có mấy ngàn ức vạn người, đều khiến cho không có ai có năng lực biết được số ấy. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi mốt: Giả sử tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước tôi có thọ mạng vô ương số kiếp. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi hai: Giả sử tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều có trí tuệ dũng mãnh, tự biết ức vạn kiếp đời trước của mình, túc mạng đã làm mọi điều thiện ác, lại biết đến vô cùng tận, tất cả đều nhìn thấy thấu suốt, biết rõ sự việc quá khứ-hiện tại-vị lai khắp trong mười phương. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi ba: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều có trí tuệ dũng mãnh, giữa đỉnh đầu đều có ánh sáng. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi bốn: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho ánh sáng giữa đỉnh đầu tôi rực rỡ tuyệt vời, hơn hẳn ánh sáng của mặt

trắng-mặt Trời gấp trăm ngàn ức vạn lần, tuyệt vời hơn hẳn ánh sáng soi chiếu rạng ngời của chư Phật, chiếu rọi đến vô ương số thế giới, nơi tối tăm sâu xa khắp thiên hạ đều được sáng tỏ cùng tận, chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa, thấy ánh sáng của tôi thì không có loài nào không khởi Từ tâm làm điều thiện, đều khiến cho sanh đến nước tôi. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thì không làm Phật.

Đức Phật bảo với A nan: Lúc đức Phật A-di-đà làm vị Bồ-tát, lúc ấy phụng hành hai mươi bốn lời nguyện này, không phạm vào đạo pháp-đoạn tuyệt mọi tài sắc, dốc tâm ý nguyện cầu, tích lũy nhiều công đức, qua vô ương số kiếp, nay trở thành đức Phật, nguyện ước đều thành tựu, công lao Ngài không mất”.

Lại trong kinh Phật thuyết Diệt Thập Phương Minh nói: “Lúc ấy có Đồng tử họ Thích, tên gọi Thiện Duyệt, đến thưa với đức Phật rằng: Thưa Đấng Thiên Tôn giữa các Trời! Nay cha mẹ của con thân thể không được an lành, bất ngờ bị người sai trái làm cho gặp phải những điều phiền nhiễu, ngày đêm thức ngủ không được yên ổn, ra vào đi lại cũng gặp điều bức não, hoặc gặp phải loài phi nhân yêu quái mê hoặc gian trá tà vạy, không có cách nào phòng ngừa bảo vệ, xin nguyện Đức Thế tôn, chỉ bày cho con phương pháp, để kịp thời cứu giúp khiến không còn quấy nhiễu làm hại! Đức Phật bảo với Diệt Thiện Duyệt: Ta sẽ nói cho con phương pháp của sự giúp đỡ bảo vệ.

Đức Phật dạy: Về phương Đông cách đây hơn tám ngàn na thuật cõi Phật, có thế giới tên là Bạt Chúng Trần Lao, đức Phật cõi ấy danh hiệu đấng Hành Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu người nào đi về phương Đông thì trước tiên nên cúi đầu lạy chí thành quy mạng, cúng dường đức Phật ở phương Đông, thì không có gì sợ hãi, không loài nào dám xâm phạm quấy nhiễu, có những việc làm phát khởi đều được như mong cầu.

Đức Phật bảo với Đồng tử: về phương Nam cách đây hơn mười ức trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Tiêu Minh Đẳng Yếu Thoát, đức Phật cõi ấy danh hiệu Sơ Phát Tâm Niệm Ly Khủng Úy Quy Y Siêu Thủ Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu muốn đi về chuyên chú ý niệm không xa rời, thì không có gì sợ hãi, không gặp hoạn nạn gì. Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Tây cách đây như Căng già hà sa quốc độ chư Phật, có thế giới tên là Thiện Tuyến Trạch, đức Phật cõi ấy danh hiệu Kim cang Bộ Tích Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu muốn đi về phương Tây trước tiên nên cúi đầu lễ lạy hướng về đức Phật

ấy nhất tâm quy mạng, thì không có gì sợ hãi, không gặp hoạn nạn gì.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Bắc cách đây hơn hai vạn cõi Phật, có thế giới tên là Giác Biện, đức Phật cõi ấy danh hiệu Bảo Trí Thủ Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu muốn đi về Phương Bắc thì giả thử đang ở tại chùa, cúi đầu làm lễ chí thành quy mạng đức Phật ấy, sẽ không có gì sợ hãi, không gặp hoạn nạn gì.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Bắc cách đây hơn hai vạn cõi Phật, có thế giới tên là Trì Sở Niệm, đức Phật cõi ấy danh hiệu Hoại Ma Mạn Độc Bộ Như lai, hiện đang thuyết pháp. Nếu đến phương Đông bắc thì nên từ xa cúi đầu lạy chí thành quy mạng đức Phật ấy, thì ở nơi đó được an ổn không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Đông Nam cách đây hơn hai Càng già hà sa đấng cõi Phật, có thế giới tên là Thường Chiếu Diệu, đức Phật cõi ấy danh hiệu Sơ Phát Tâm Bất Thối Chuyển luân Thành Thủ Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu đi về Phương Đông Nam trước tiên nên cúi đầu lạy, năm vóc sát đất nhất tâm quy mạng, sau đó mới tiến hành thì không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về Phương Tây nam cách đây hơn tám vạn cõi Phật, có thế giới tên là Phú Bạch Giao Lộ, đức Phật cõi ấy danh hiệu bảo cái Chiếu không Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu đi về phương Tây nam thì trước tiên nên cúi đầu lạy đức Như lai ở phương ấy, dùng hoa từ xa tung rải nghĩ đến Vô Tướng, sau đó mới tiến hành đi chuyển thì không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Tây bắc cách đây hơn 6 Càng già hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Trú Thanh Tịnh, đức Phật cõi ấy danh hiệu khai Hoá Bồ-tát Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu đi về phương Tây bắc thì trước tiên lễ lạy đức Phật ấy, tự quy y hối hận về sai lầm của mình, tu phạm thanh tịnh, sau đó xuất gia sẽ không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Hạ cách đây hơn chín mươi cai (một trăm triệu) cõi Phật, có thế giới tên là Niệm Vô Đảo, đức Phật cõi ấy danh hiệu Niệm Sơ Phát ý Đoạn Nghi Bạt Dục Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu lúc muốn ngồi, hoặc lúc vào đêm nằm nghỉ, niệm Đức Như lai này cúi đầu tự quy y, thường dùng ý niệm Từ bi cứu giúp tất cả chúng sinh, su đó ngồi hay nằm sẽ không có gì sợ hãi, những nguyện cầu nhất định thành tựu.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Thượng cách đây hơn sáu chục Càng già hà sa đấng cõi Phật, có thế giới tên là Ly chư Khủng Cự

Vô Hữu Xứ Sở, đức Phật cõi ấy danh hiệu Tiêu Minh Đẳng Siêu Vương Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy luôn luôn lễ lạy đức Phật ấy tự mình quy ý cúng dường, thì không có gì sợ hãi, nơi đến được an lành.

Đức Phật bảo với Đồng tử; giả sử có người thọ trì kinh điển này, đọc tụng thông thạo giảng giải cho người khác, đầy đủ chu đáo khiến cho không thiếu sót giảm bớt thì sẽ không gặp sự xâm phạm oan ức. Hoặc đi giữa giặc cướp cũng không gặp điều nguy hiểm làm hại. Hoặc đi trong lửa lớn thì lửa lớn sẽ tắt hết. Hoặc đi giữa nước lớn mà cuối cùng không bị nhấn chìm. Trời Rồng Quỷ Thần và các thần linh xấu ác không dám xúc chạm người ấy. Các loài thú dữ không dám đến gần người ấy. Các loài tà ma quỷ quái không có năng lực nhiều hại người ấy. Nếu ở nơi vắng vẻ an nhàn một mình, thì được sự che chở phù hộ của Như lai. Đức Phật giảng dạy như vậy, Đế Thích và Đồng tử Diện Thiện Duyệt cùng mọi người, nghe kinh vô cùng hoan hỷ cúi đầu đảnh lễ mà lui về”.

Trong Địa Trì Luận nói: “Bồ-tát phát nguyện nói sơ lược có năm loại: 1- Phát tâm nguyện, 2- Sanh nguyện, 3- Cảnh giới nguyện, 4- Bình đẳng nguyện, 5- Đại nguyện. Lúc Bồ-tát ấy mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, thì gọi là phát tâm nguyện. Nguyện vì chúng sinh đời vị lai, thuận theo sanh vào đường thiện, thì gọi là Sanh Nguyện. Nguyện quán xét chính xác các pháp vô lượng cùng các thiện căn tư duy cảnh giới, thì gọi là Cảnh Giới Nguyện. Nguyện tất cả Bồ-tát ở đời vị lai khéo léo thấu nhiếp mọi chuyện, thì gọi là Bồ-tát Bình Đẳng Nguyện. đại nguyện ấy chính là Bình Đẳng Nguyện.

Bồ-tát lại thuyết về mười loại đại nguyện:

Một là nguyện tất cả các loại cúng dường đầy đủ để cúng dường vô lượng chư Phật.

Hai là nguyện hộ trì tất cả chánh pháp của chư Phật.

Ba là nguyện thông suốt chánh pháp của chư Phật.

Bốn là nguyện sanh lên cung Trời Đâu Suất cho đến nhập Niết-bàn.

Năm là nguyện thực hành tất cả các loại chánh hạnh của Bồ-tát.

Sáu là nguyện thành thực tất cả chúng sinh.

Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có năng lực hiện bày giáo hóa.

Tám là nguyện hết thảy Bồ-tát nhất tâm phương tiện dùng Đại thừa hóa độ.

Chín là nguyện tất cả chánh hạnh phương tiện không có gì ngăn

ngại.

Mười là nguyện thành tựu Vô thượng Chánh Giác.

Đây là Bồ-tát an trú vào Sơ Địa, phương tiện dùng niềm tin thanh tịnh hiện tại để tu hành, đối với sự nghiệp đời vị lai phát sinh mười đại nguyện:

Một là dùng tâm thanh tịnh thường nguyện cúng dường hết thầy chư Phật.

Hai là thọ trì bảo vệ Chánh pháp của chư Phật.

Ba là khuyến thỉnh chư Phật chuyển vận giáo pháp chưa từng xuất hiện.

Bốn là nguyện thành thực đầy đủ tất cả quốc độ để dung nhiếp chúng sinh.

Sáu là nguyện tất cả thế giới đều có năng lực hiện bày giáo hóa.

Bảy là tự làm thanh tịnh cõi Phật.

Tám là hết thầy Bồ-tát cùng chung phương tiện dùng Đại thừa hóa độ.

Chín là lợi ích cho chúng sinh mà tất cả không trống rỗng.

Mười là ở tất cả các thế giới đạt được quả vị A Nậu Bồ-đề thực hiện tất cả các Phật sự.

Đại nguyện như vậy có năng lực phát sinh vô lượng trăm ngàn đại nguyện, không xa rời pháp giới chúng sinh, không xa rời thế gian, các đại nguyện này đời đời thường thực hành hoàn toàn không thể lãng quên”.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này các Phật Tử! Bồ-tát an trú trong Hoan Hỷ Địa lấy mười nguyện làm đầu, phát sinh trăm vạn A-tăng-kỳ đại nguyện thuộc loại như vậy, bởi vì pháp không thể nào hết được mà phát sinh thế nguyện này, vì thỏa mãn ý nguyện này cho nên tinh tiến nỗ lực thực hành. Những gì là mười nguyện? Đó là: Một- chúng sinh không thể biết được. Hai- Thế giới không thể hết được. Ba- hư không chẳng thể tận cùng. Bốn- Pháp giới không thể tận cùng. Năm- Niết-bàn không thể tận cùng. Sáu- Đức Phật xuất thế không thể tận cùng. Bảy- Trí tuệ của chư Phật không thể tận cùng. Tám- Tâm sở duyên không thể tận cùng. Chín- Trí phát khởi không thể tận cùng. Mười- thế gian chuyển pháp luân mà trí chuyển không thể tận cùng. Nếu chúng sinh không còn thì nguyện của mình mới hết, cho đến trí phát khởi-chuyển không còn thì nguyện của mình mới hết. Mà chúng sinh cho đến trí phát khởi-trí chuyển thật sự không thể tận cùng, thì các nguyện và thiện căn của mình cũng không thể tận cùng được”.

Lại trong kinh Văn-thù-sư-lợi Văn Bồ-đề nói: “Lúc bấy giờ Thiên tử hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: Bồ-tát có mấy tâm có thể thâm nhiếp nhân-có thể thâm nhiếp quả? Văn-thù đáp rằng: Các Bồ-tát có bốn tâm có thể thâm nhiếp nhân-có thể thâm nhiếp quả. Những gì là bốn tâm? Đó là: 1- Sơ phát tâm, 2- Hành đạo tâm, 3- Bất thối chuyển tâm. 4- Nhất sanh bổ xứ tâm. Sơ phát tâm làm nhân duyên cho hành đạo tâm, hành đạo tâm làm nhân duyên cho Bất thối chuyển, bất thối chuyển tâm làm nhân duyên cho Nhất Sanh bổ xứ tâm.

Vả lại, Sơ Phát tâm giống như gieo hạt giống giữa ruộng, hành đạo tâm giống như hạt giống sinh trưởng, bất thối chuyển tâm giống như hoa quả mới thành tựu, Nhất tâm bổ xứ tâm giống như hoa quả có công dụng.

Đồng thời, Sơ tâm giống như thợ làm xe trung vật liệu, Hành đạo tâm giống như gọt đẽo lo liệu vật liệu gỗ sắt, Bất thối chuyển tâm giống như lắp đặt làm xong các bộ phận gỗ sắt. Nhất sanh bổ xứ tâm giống như xiếc xe hoàn thành đến lúc vận chuyển. Hơn nữa, Sơ phát tâm giống như vầng trăng mới xuất hiện, hành đạo tâm giống như vầng trăng ngày mồng năm, Bất thối chuyển tâm giống như vầng trăng ngày mồng mười, Nhất sanh bổ xứ tâm giống như vầng trăng ngày mười bốn, trí tuệ Như lai giống như vầng trăng đêm mười lăm tròn sáng vằng vặc.

Và Sơ phát tâm có năng lực vượt qua địa vị Thanh văn, Hành đạo tâm có năng lực vượt qua địa vị Bích-chi-Phật, Bất thối chuyển tâm có năng lực vượt qua địa vị Bất định, Nhất sanh bổ xứ tâm an trú trong địa vị của Định.

Lại nữa, Sơ phát tâm giống như người bệnh cầu tìm thuốc chữa, hành đạo tâm giống như phân biệt biết rõ loại thuốc, bất thối chuyển tâm giống như người bệnh uống thuốc, Nhất sanh bổ xứ tâm giống như bệnh được chữa lành”.

Còn trong kinh Đại Tập nói: “Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Lúc Bồ-tát mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nghe các chúng sinh có công hạnh như vậy, không ngạc nhiên không sợ hãi, điều này thật là khó, không thể nghĩ bàn được! Đức Phật dạy: này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Giống như Sư tử tuy là mới sanh ra nhưng nghe Sư tử gầm lên Sư tử con có sợ hãi hay không? Thưa Đức Thế tôn, không sợ gì cả! Bồ-tát Ma ha tát lúc mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nghe hành của chúng sinh cũng lại như vậy. Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Lửa nóng tuy nhỏ bé mà có sợ củi khô hay không? Thưa Đức Thế tôn, không sợ gì cả! Bồ-tát mới phát tâm

Vô thượng Bồ-đề xong, có được ngọn lửa trí tuệ cũng lại như vậy. Nay Xá-lợi-phất! Nay lấy sự việc chẳng phải ví dụ làm ví dụ. Nay Xá-lợi-phất! Ví như ngọn lửa mạnh cùng với các cây củi khô, giao ước hạn kỳ bảy ngày sẽ đánh nhau lớn. Lúc bấy giờ tất cả các loại cành lá thân cây khô cứng, hết thảy cùng tập trung lại cao ngút như núi Tu di. Bấy giờ lửa dữ có một bạn thân, mới nói cho biết rằng: Nay ông tại sao không tự trang nghiêm tìm nhiều người cứu giúp, phe bên kia có chi viện, ông chỉ có một mình, sao có thể đối phó được? Lúc ấy ngọn lửa đáp rằng: Phe bên kia tuy nhiều mà sức ta có thể đối đầu không cần đến bạn bè. Nay Xá-lợi-phất! Bồ tát Ma ha tát cũng lại như vậy, tuy các phiền não cùng nhau hòa hợp lại thì thế lực ấy hừng hực mạnh mẽ, mà lực trí tuệ của Bồ-tát có năng lực tiêu diệt làm cho hàng phục. Như một viên thuốc A-già-đà có năng lực phá trừ chất độc lớn, trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, thuốc trí tuệ nhỏ bé có năng lực phá hủy vô lượng chất độc phiền não to lớn”.

Trong kinh Phật Bản Hạnh nói: “Lúc bấy giờ đức Phật bảo với các Tỳ-kheo Tăng, phát ra lời nói như vậy: Tỳ-kheo các ông, Ta nhớ vào thời lâu xa trước kia, có một người nghèo khổ xin ăn nuôi sống, từ một thành nọ đi đến thành Ba-la-nại. Đến thành ấy rồi, tất cả người ăn xin trong thành ấy thấy người này đều quát mắng rằng: Ông từ đâu xuất hiện mà đến nơi này? Tức thì ngăn cản không cho phép đi lang thang xin ăn. Lúc bấy giờ người kia thấy có chướng ngại thì dấy lên tư duy rằng: Mình đối với những người kia không có lỗi lầm gì, tại sao chướng ngại mình cầu xin sự giúp đỡ? Lúc ấy ở thành Ba-la-nại có một vị Trưởng giả, bị mất chiếc bát bằng đồng, bấy giờ Trưởng giả kia cầu tìm chiếc bát bằng đồng nơi đó không được, bởi vì tìm chiếc bát bằng đồng cho nên đến một thôn khác. Lúc ấy người ăn xin kia được chiếc bát bằng đồng phân đem theo trên đầu cây gậy, sau đó đi vào trong thành Ba-la-nại, từ đường này đến đường khác, từ ngõ này đến ngõ khác, từ ngã rẽ này đến ngã rẽ khác, từ góc phố này đến góc phố khác, miệng nói to lời rằng: Chiếc bát bằng đồng này là đồ vật của ai, ai biết thì nhận lấy! Nhưng mà người kia đi lang thang khắp nơi tìm kiếm người chủ của chiếc bát cuối cùng vẫn không thể tìm được. Đã không gặp được người chủ, nên liền đi đến giao cho vua Phạm Đức. Cho đến khi Trưởng giả nghe có người từ trong đồng phân kia nhặt được một chiếc bát bằng đồng treo ở trên đầu cây gậy, mang đi vào thành Ba-la-nại kia, đi khắp nơi tìm hỏi mà không biết người chủ nơi nào, đã không gặp được người chủ thì đem đến giao cho vua Phạm Đức. Đã nghe tin này rồi liền đến

bên vua Phạm Đức, đến rồi thưa rằng: Đại vương nên biết, trước đây có người ăn xin đã tặng chiếc bát bằng đồng cho Đại vương, đó là vật của tôi. Lúc ấy vua Phạm Đức sai người đi tìm mọi người ăn xin kia, mà nói cho biết rằng: Chiếc bát bằng đồng ông đã tặng từ trước đây, nay Trưởng giả này nói là vật của mình, sự việc đó như thế nào? Người ăn xin liền thưa với vua Phạm Đức rằng: Thưa Đại vương, đúng như vậy! Tôi vốn không biết chiếc bình bát bằng đồng ấy là vật của ai, tôi đã nhặt được ở trong đồng phân, rồi treo vào đầu cây gậy mang đi vào trong thành, hỏi thăm khắp nơi nhưng không biết người chủ ở đâu, nên tặng cho Đại vương tùy sự sử dụng của Đại vương. Bấy giờ Phạm Đức nghe lời ấy rồi, tâm rất hoan hỷ mà nói với người ăn xin rằng: Nay người nhân ái! Nay ông muốn cầu xin nguyện ước như thế nào đối với ta, ta sẽ ban cho ông, mà trả lại chiếc bát bằng đồng kia cho Trưởng giả! Lúc ấy người ăn xin bày tỏ với vua Phạm Đức mà nói lời như vậy: Thưa Đại vương! Nếu bây giờ nhất định phải hoan hỷ ban cho tôi nguyện ước, thì nguyện xin Đại vương cho tôi được làm vua đối với tất cả mọi người ăn xin ở trong thành Ba-la-nại này! Lúc ấy vua Phạm Đức lại nói với người ăn xin rằng: Nay tại sao cần phải làm vua đối với những kẻ ăn xin ấy, chỉ nên cầu xin những nguyện ước tốt đẹp khác, hoặc là vàng bạc châu báu, hoặc là tìm trong nước có thôn xóm nào tốt đẹp nhất dùng để phong tặng, Ta sẽ ban cho ông! Lúc ấy người ăn xin lại thưa với nhà vua rằng: Nếu nhà vua hoan hỷ ban cho tôi nguyện ước, thì trước mắt tôi đang muốn đạt được lời nguyện trước mà thôi. Nhà vua bèn trả lời rằng: Tùy sự mong muốn của ông, thuận cho ông thực hiện thôi! Bấy giờ ở trong thành Ba-la-nại, tất cả có năm trăm người ăn xin y theo lời nguyện ước của người ăn xin ấy, cùng gọi mà tập trung lại nói cho biết rằng: Nay tôi được cho phép làm vua của các người, các người cần phải nghe theo sự sắp xếp của tôi! Lúc ấy những người ăn xin hỏi vị vua ăn xin rằng! Nay ông sắp xếp chúng tôi thế nào, khiến làm những việc gì? Bấy giờ người ăn xin nói: Các ông cùng nhau hoặc có lúc đưa tôi đặt lên tên vai, hoặc có lúc nắm tôi mà cõng trên lưng, những người còn lại đều làm tùy tùng của tôi vây tròn xung quanh mà đi. Tất cả năm trăm người ăn xin ấy nghe lời như thế rồi, lập tức thuận theo sự sắp xếp, hoặc có người khiêng kiệu, hoặc có người cõng trên lưng, đi lang thang khắp nơi, gặp những nơi có lễ tiệc mời vào ăn uống thì vào nơi ấy xin ăn, xin được rồi mang về một nơi, phân chia ra cho tất cả cùng nhau ăn uống. Cách làm như vậy nuôi sống thân mạng qua thời gian dài. Lúc ấy có một người ăn xin ở nơi che khuất một mình ăn hạt Ma-hô-trà-ca (Tùy nói là viên thuốc Hoan Hỷ),

bấy giờ vị vua ăn xin đến bên cạnh người kia đoạt lấy thức ăn ấy rồi mang đi. Đồ chúng của nhà vua ăn xin gồm năm trăm kẻ ăn mày, đuổi theo vị vua ăn xin chạy đến một nơi rất xa, mọi người đều mệt mỏi, đã mệt mỏi lắm nên tất cả đều quay trở về. Vị vua ăn xin kia thân lực khoẻ mạnh vô cùng, chạy mà không hề mệt mỏi, lại rất xa xôi bèn quay đầu lại nhìn xem, nhưng năm trăm người ăn xin thấy đều khuất dạng. Đã không trông thấy nữa rồi, bèn đi vào trong một khu vườn lấy nước rửa tay chân, ngồi xuống một chỗ mát mẻ muốn ăn thức ăn lấy được. Trong lúc chưa ăn thì sanh tâm hối hận, nay mình không tốt, nay mình tại sao ở bên cạnh người kia đoạt lấy thức ăn của họ? Lại làm cho bọn người tùy tùng của mình phát điên đuổi theo, thức ăn đã nhiều một mình ăn không hết. Nếu trong thế gian có các bậc Thánh nhân, nguyện cầu biết rõ ý tôi mà đến nơi này, tôi sẽ phân cho. Phát tâm này rồi, có một vị Bích-chi-Phật, tên gọi là Thiện Hiền, từ trong hư không cưỡi mây mà đến, ở trước mặt người kia. Từ hư không hạ xuống, cách nhau không xa lắm. Người ấy từ xa trông thấy vị Bích-chi-Phật kia có oai nghi đường bệ, bước đi đều đặn, cử chỉ khoan thai không chậm không nhanh. Trông thấy như vậy rồi, đối với vị Bích-chi-Phật ấy tâm phát sinh niềm tin thanh tịnh. Có được niềm tin thanh tịnh rồi dấy lên nghĩ như vậy: Bởi vì xưa kia mình đã chịu cảnh nghèo hèn hành hạ, thậm chí hiện tại cũng không gặp được phước đức như vậy, đối với người như vậy mà không thực hành bố thí cung kính cúng dường. Xưa kia nếu mình gặp được phước điền như vậy, thì hôm nay sẽ không gặp phải cảnh khổ đốn này, cũng không nên làm cho người khác bị bức bách cấp thiết mà có được mạng sống. Nay mình đem thức ăn này dâng lên người Tiên, không biết người Tiên này có thể tiếp nhận hay không? Nếu được tiếp nhận, nguyện cầu trong tương lai mình sẽ tránh khỏi thân mạng khổ khó nghèo hèn hành hạ này. Dấy lên ý nghĩa này rồi, liền mang thức ăn này dâng lên người Tiên này. Nhưng Vị Bích-chi-Phật có pháp như vậy, chỉ hiện bày thần thông giáo hóa chúng sinh, lại không có pháp nào khác. Lúc ấy vị Bích-chi-Phật tiếp nhận thức ăn kia, từ mặt đất bay vọt lên hư không mà đi. Người ấy trông thấy sự việc diễn ra như vậy nên hoan hỷ nhảy múa, niềm sung sướng tràn trên thân thể không làm sao tả xiết. Bởi vì hoan hỷ cho nên cúi đầu chấp tay, từ xa lễ lạy dưới chân vị Bích-chi-Phật ấy. Lễ lạy như vậy rồi tâm phát lời nguyện rằng: Nguyện cho thân này của con đời vị lai, luôn luôn được gặp Đấng Thế tôn như vậy; hoặc là hơn hẳn như vậy, được Đấng Thế tôn ấy thuyết giảng về chánh pháp, nguyện cho con vừa nghe liền được hiểu rõ ràng. Lại nguyện cho con ở trong

đời vị lai, sanh trong gia đình dòng họ cao quý có uy đức to lớn, làm vị vua sửa trị cảm hóa lại không ở trong những người khốn khổ kia. Lại phát ra lời nguyện này: Nguyện cho con đời đời kiếp kiếp không rơi vào ác đạo.

Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Ta nói lời như vậy, Tỳ-kheo các ông nếu có tâm nghi ngờ vào lúc xưa kia, vị vua của kẻ ăn xin trong thành Ba-la-nại, bố thí cho vị Bích chi Phật món ăn Ma-hô-trà-ca này là ai vậy? Đừng dấy lên cách nhìn sai khác, đó chính là Tỳ-kheo Bà Đề Lợi Ca. lúc ấy vị vua ăn xin bố thí món ăn cho vị Bích-chi-Phật, nhờ nghiệp quả kia mà sanh vào dòng họ vô cùng cao quý của Đại tộc Thích Ca, tiền bạc của cải không bao giờ thiếu hụt, bởi vì lời nguyện xưa kia, cho nên nay được ở địa vị vua chúa. Lại nhờ vào lời nguyện xưa kia mà không rơi vào ác đạo, thường sanh vào cõi Trời-người thụ hưởng nhiều vui sướng. Lại nhờ lời nguyện xưa kia nay được gặp Ta, mà được xuất gia, thọ cụ túc giới, đắc quả A-la-hán. Ta lại thọ ký, ở trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người ở dòng họ cao quý xuất gia đầu tiên chính là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca vậy”. Tụng rằng:

*Hiền nhân ngưỡng mộ khí tiết cao, Chí nguyện gieo
nhân tố Bồ-đề, Cưỡi Hạc bay qua chặng trước sau,
Thúc ngựa vượt khỏi ruộng vua chúa. Xưa cầu khẩn
lập thành hoàng thế, Cảm báo ứng thành thân Di Đà
Bậc Năng Nhân tu Bát Chánh Đạo, Vượt lên trước
qua chín Đại kiếp.
Danh tiếng lưu truyền khắp Tam Giới, Từ bi hóa độ
khắp Đại thiên,
Che hồng trần chấm dứt vọng tưởng, Phàm Thánh cùng
vui mừng hớn hở. Chúng sinh cùng chí nguyện hướng về,
Giữ lợi ích dân dất tâm tư,
Sanh tử ắt vĩnh viễn không còn,
Há giống như người Tiên-Trang-Lão?*

